

Bảng dữ liệu sản phẩm

1165 Series — AMR/AGV-4 BÁNH XE CÀNG XOAY (TẢI VỪA) Ổ BÍ CHÍNH XÁC ĐƠN



Lớp ZQPU (Milled Blue)đường kính lốp × chiều rộng lốp 62.5 × 20 (41.5) mm

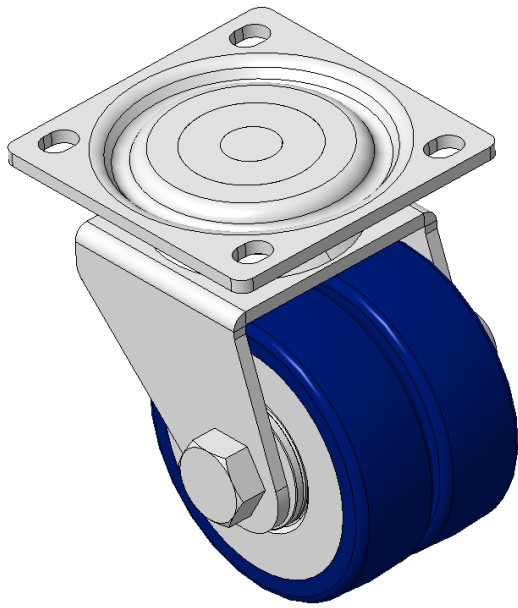
EAN

KS-11655204802033

Bánh xe xoay, đế bánh xe được tán đinh và dập lỗ cao cấp  
Hoàn thiện mạ điện, lắp đế bánh xe, khoảng cách lỗ 55x52  
Lõi gang, mặt lớp polyurethane chất lượng cao  
Hoàn thiện màu xanh, ổ trục bánh xe—ổ trục bí chính xác.

Mặt bánh xe: Được làm bằng polyurethane chất lượng cao  
Lõi bánh xe: lõi sắt/gang

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

Quy cách chi tiết sản phẩm

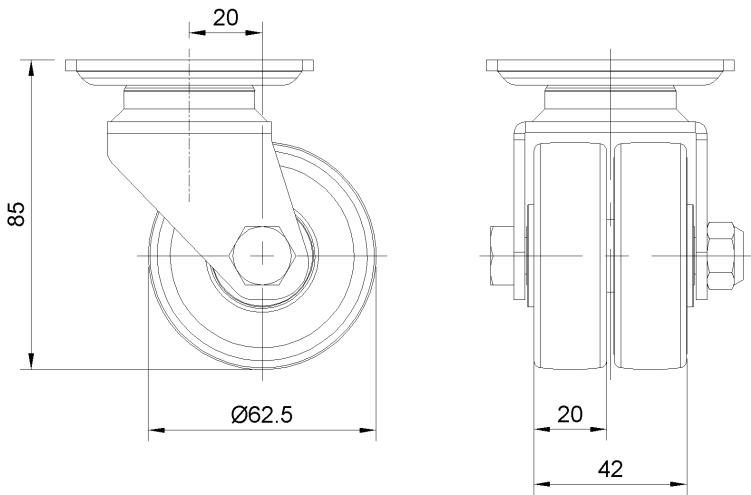
☒ đơn vị mét ☐ đế quốc

|                                 |                             |
|---------------------------------|-----------------------------|
| Đường kính bánh xe              | 62.5mm                      |
| Chiều rộng bánh xe              | 41.5mm                      |
| vòng bi bánh xe                 | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                | 68 x 68mm                   |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền | 55 x 52mm                   |
| Khoảng cách các lỗ lắp          | 6.5 x 8.5mm                 |
| Độ lệch tâm                     | 20mm                        |
| Sự can thiệp quay               | 112mm                       |
| Tổng chiều cao                  | 85mm                        |
| Bán kính xoay                   | 56mm                        |
| Độ cứng                         | 87±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                | 200kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                | 300kgs                      |
| Nhiệt độ                        | -20°C to +70°C              |
| Càng bánh xe                    | Xoay                        |
| Thép không gỉ                   | N/A                         |
| Dẫn điện                        | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                 | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy         | 1.89kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm          | ISO22883                    |

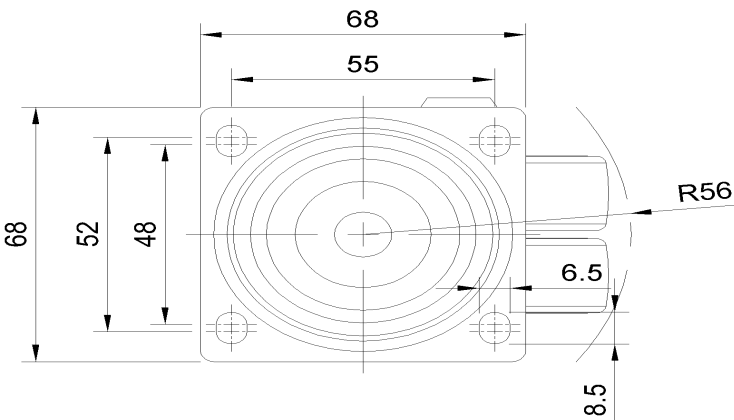
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | • • • • • |
| Chế độ im lặng       | • • • • • |
| Bảo vệ mặt sàn       | • • • • • |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét